

Số: /2026/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 2

THÔNG TƯ

Ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2024/QH15 ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Dược;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, ban hành và công bố danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp (sau đây gọi tắt là danh mục thuốc).

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí xây dựng danh mục thuốc

Thuốc đưa vào danh mục phải đáp ứng tất cả các nguyên tắc, tiêu chí sau đây:

1. Có ít nhất từ 03 (ba) giấy đăng ký lưu hành của ít nhất 03 (ba) hãng sản xuất trong nước đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật Nhóm 1, Nhóm 2 theo quy định tại Thông

tư quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

2. Giá thuốc trung bình của thuốc sản xuất trong nước do các cơ sở y tế mua (theo phương pháp tính trung bình cộng) không cao hơn so với giá thuốc trung bình của thuốc nhập khẩu do các cơ sở y tế mua (theo phương pháp tính trung bình cộng) có tiêu chí kỹ thuật tương đương (phù hợp với các quy định ưu đãi cho thuốc sản xuất trong nước tại Luật Đấu thầu).

3. Có khả năng cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế.

Điều 3. Ban hành và công bố danh mục thuốc

1. Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục 263 thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp.

2. Công bố danh mục 263 thuốc tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược.

Điều 4. Cập nhật danh mục thuốc

Trong thời gian tối đa 02 (hai) năm, trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí xây dựng danh mục thuốc tại Điều 2 Thông tư này và căn cứ thông tin giá thuốc trung bình của năm liền kề trước đó do các cơ sở y tế mua, Cục Quản lý Dược xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư cập nhật danh mục thuốc.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 04 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo các quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành; trừ trường hợp các đơn vị, cơ sở y tế tự nguyện thực hiện theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với những thuốc thuộc danh mục 93 thuốc tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 04 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về

chất lượng, giá, khả năng cung cấp và đáp ứng tiêu chí của Khoản 1 Điều 2 Thông tư này thì tiếp tục đưa vào danh mục thuốc ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Phòng Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Các Đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra thuộc Bộ Y tế;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, Ngành;
- CTTĐT BHYT, Website Cục QLD;
- Lưu: VT, PC, QLD (02b).

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

DANH MỤC 263 THUỐC CÓ ÍT NHẤT 03 HÃNG TRONG NƯỚC SẢN XUẤT TRÊN DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT THUỐC ĐÁP ỨNG NGUYÊN TẮC, TIÊU CHUẨN EU-GMP HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG EU-GMP VÀ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ KỸ THUẬT THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ Y TẾ VÀ VỀ CHẤT LƯỢNG, GIÁ, KHẢ NĂNG CUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
1	Acarbose	50mg	Viên	Viên	2	
2	Aceclofenac	100mg	Viên	Viên	2	
3	Acetylcysteine	200mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2	
4	Acetylcysteine	200mg	Viên	Viên	2	
5	Acetylcysteine	100mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2	
6	Acyclovir	200mg	Viên	Viên	2	
7	Acyclovir	400mg	Viên	Viên	2	x
8	Acyclovir	800mg	Viên	Viên	2	x
9	Albendazole	400mg	Viên	Viên	2	x
10	Alendronic acid	10mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
11	Alendronic acid; Cholecalciferol	70mg; 2800IU	Viên	Viên	2	
12	Allopurinol	300mg	Viên	Viên	2	x
13	Alpha Chymotrypsin	4200IU	Viên	Viên	2	
14	Amiodarone hydrochloride	200mg	Viên	Viên	2	
15	Amisulpride	100mg	Viên	Viên	2	x
16	Amisulpride	200mg	Viên	Viên	2	x
17	Amisulpride	400mg	Viên	Viên	2	
18	Amlodipin	10mg	Viên	Viên	2	
19	Atenolol	50mg	Viên	Viên	2	x
20	Atorvastatin	10mg	Viên	Viên	2	x
21	Atorvastatin	20mg	Viên	Viên	2	x

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
22	Atorvastatin	40mg	Viên	Viên	2	
23	Atorvastatin; Ezetimib	10mg; 10mg	Viên	Viên	2	
24	Atorvastatin; Ezetimib	20mg; 10mg	Viên	Viên	2	
25	Azithromycin	500mg	Viên	Viên	2	
26	Bambuterol hydrochloride	10mg	Viên	Viên	2	x
27	Betahistine dihydrochloride	16mg	Viên	Viên	2	x
28	Bilastine	20mg	Viên	Viên	2	
29	Bismuth subsalicylat	262,5mg	Viên	Viên	2	
30	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Viên	Viên	2	x
31	Bisoprolol fumarate	5mg	Viên	Viên	2	x
32	Bromhexine hydrochloride	8mg	Viên	Viên	2	
33	Candesartan cilexetil	16mg	Viên	Viên	2	
34	Candesartan cilexetil	4mg	Viên	Viên	2	
35	Captopril	25mg	Viên	Viên	2	
36	Carvedilol	12,5mg	Viên	Viên	2	x
37	Carvedilol	6,25mg	Viên	Viên	2	
38	Cefaclor	250mg	Viên nang	Viên	2	
39	Cefadroxil	500mg	Viên nang	Viên	2	
40	Cefazolin	1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
41	Cefepime	1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
42	Cefepime	2g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
43	Cefoperazone	1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
44	Cefoperazone	2g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
45	Cefoperazone; Sulbactam	1g; 1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
46	Cefoperazone; Sulbactam	500mg; 500mg	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
47	Cefotaxime	1g	Thuốc tiêm	Lọ	1; 2	x
48	Cefotaxime	2g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
49	Cefotiam	1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
50	Cefoxitin	1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	
51	Cefoxitin	2g	Thuốc tiêm	Lọ	2	
52	Ceftazidime	1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
53	Ceftazidime	500mg	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
54	Ceftazidime	2g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
55	Ceftizoxime	1g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
56	Ceftizoxime	2g	Thuốc tiêm	Lọ	2	
57	Ceftizoxime	500mg	Thuốc tiêm	Lọ	2	
58	Ceftriaxone	1g	Thuốc tiêm	Lọ	1; 2	x
59	Cefuroxime	1,5g	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
60	Cefuroxime	250mg	Viên	Viên	2	
61	Cefuroxime	750mg	Thuốc tiêm	Lọ	2	x
62	Celecoxib	100mg	Viên nang	Viên	2	
63	Celecoxib	200mg	Viên nang	Viên	2	
64	Cephalexin	250mg	Viên nang	Viên	2	
65	Cephalexin	500mg	Viên nang	Viên	2	
66	Cetirizin dihydrochloride	10mg	Viên	Viên	2	x
67	Cilnidipine	10mg	Viên	Viên	2	
68	Cilnidipine	5mg	Viên	Viên	2	
69	Ciprofloxacin	500mg	Viên	Viên	2	x
70	Citalopram	20mg	Viên	Viên	2	
71	Clarithromycin	250mg	Viên	Viên	2	
72	Clarithromycin	500mg	Viên	Viên	2	
73	Clopidogrel	75mg	Viên	Viên	2	x
74	Clopidogrel; Acid acetylsalicylic	75mg; 75mg	Viên	Viên	2	
75	Colchicine	1mg	Viên	Viên	2	x
76	Chlorpheniramine maleate	4mg	Viên	Viên	2	
77	Dapagliflozin	5mg	Viên	Viên	2	
78	Desloratadine	5mg	Viên	Viên	2	
79	Dextromethorphan hydrobromid; Loratadin; Paracetamol	15mg; 5mg; 500mg	Viên	Viên	2	
80	Diacerein	50mg	Viên nang	Viên	2	
81	Diclofenac natri	50mg	Viên	Viên	2	
82	Diosmin	600mg	Viên	Viên	2	
83	Diosmin; Hesperidin	450mg; 50mg	Viên	Viên	2	x

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
84	Diosmin; Hesperidin	900mg; 100mg	Viên	Viên	2	
85	Domperidone	10mg	Viên	Viên	2	x
86	Donepezil hydrochloride	5mg	Viên	Viên	2	
87	Drotaverine hydrochloride	40mg	Viên	Viên	2	
88	Empagliflozin	10mg	Viên	Viên	2	
89	Empagliflozin	25mg	Viên	Viên	2	
90	Enalapril maleat; Hydrochlorothiazide	10mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
91	Enalapril maleat; Hydrochlorothiazide	10mg; 25mg	Viên	Viên	2	
92	Enalapril maleat; Hydrochlorothiazide	5mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
93	Enalapril maleate	10mg	Viên	Viên	2	
94	Enalapril maleate	5mg	Viên	Viên	2	
95	Entecavir	0,5mg	Viên	Viên	2	
96	Eperisone hydrochloride	50mg	Viên	Viên	2	x
97	Esomeprazole	20mg	Viên bao tan ở ruột	Viên	2	x
98	Esomeprazole	40mg	Viên bao tan ở ruột	Viên	2	x
99	Etodolac	200mg	Viên	Viên	2	
100	Etodolac	400mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
101	Etoricoxib	120mg	Viên	Viên	2	x
102	Etoricoxib	30mg	Viên	Viên	2	
103	Etoricoxib	60mg	Viên	Viên	2	
104	Etoricoxib	90mg	Viên	Viên	2	x
105	Febuxostat	40mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
106	Febuxostat	80mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
107	Fenofibrate	200mg	Viên nang	Viên	2	
108	Fexofenadine hydrochloride	120mg	Viên	Viên	2	x

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
109	Fexofenadine hydrochloride	180mg	Viên	Viên	2	
110	Fexofenadine hydrochloride	30mg	Viên	Viên	2	
111	Fexofenadine hydrochloride	60mg	Viên	Viên	2	x
112	Flavoxate hydrochloride	200mg	Viên	Viên	2	
113	Fluconazole	150mg	Viên nang	Viên	2	x
114	Flunarizin	5mg	Viên	Viên	2	
115	Fluoxetine	20mg	Viên	Viên	2	
116	Flurbiprofen	100mg	Viên	Viên	2	
117	Flurbiprofen	50mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
118	Furosemide	40mg	Viên	Viên	2	
119	Gabapentin	300mg	Viên	Viên	2	x
120	Galantamine	4mg	Viên	Viên	2	x
121	Galantamine	8mg	Viên	Viên	2	
122	Gemfibrozil	300mg	Viên	Viên	2	
123	Gliclazide	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	2	
124	Glimepiride	2mg	Viên	Viên	2	
125	Glimepiride	4mg	Viên	Viên	2	
126	Ibuprofen	200mg	Viên	Viên	2	
127	Ibuprofen	600mg	Viên	Viên	2	
128	Ibuprofen; Paracetamol	200mg; 325mg	Viên	Viên	2	x
129	Ibuprofen; Paracetamol	200mg; 500mg	Viên	Viên	2	
130	Imidapril hydrochloride	10mg	Viên	Viên	2	
131	Imidapril hydrochloride	5mg	Viên	Viên	2	
132	Irbesartan	150mg	Viên	Viên	2	x
133	Irbesartan	75mg	Viên	Viên	2	
134	Irbesartan; Hydrochlorothiazide	150mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
135	Irbesartan; Hydrochlorothiazide	300mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
136	Itoprid hydrochloride	50mg	Viên	Viên	2	

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
137	Ivabradine	7,5mg	Viên	Viên	2	
138	Lacidipine	2mg	Viên	Viên	2	
139	Lacidipine	4mg	Viên	Viên	2	
140	Lamivudine	100mg	Viên	Viên	2	x
141	Lamotrigine	50mg	Viên	Viên	2	x
142	Lamotrigine	100mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
143	Lamotrigine	200mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
144	Lansoprazole	30mg	Viên nang	Viên	2	x
145	Leflunomide	20mg	Viên	Viên	2	
146	Levocetirizine dihydrochloride	5mg	Viên	Viên	2	x
147	Levofloxacin	250mg	Viên	Viên	2	x
148	Levofloxacin	500mg	Viên	Viên	2	x
149	Linagliptin	5mg	Viên	Viên	2	
150	Linezolid	600mg	Viên	Viên	2	x
151	Lisinopril; Hydrochlorothiazide	10mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
152	Lisinopril; Hydrochlorothiazide	20mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
153	Loperamide hydrochloride	2mg	Viên nang	Viên	2	
154	Loratadine	10mg	Viên	Viên	2	
155	L-Ornithine-L-Aspartate	3g	Bột/côm/hạt pha uống	Gói	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
156	Losartan kali	100mg	Viên	Viên	2	
157	Losartan kali	50mg	Viên	Viên	2	
158	Losartan potassium; Hydrochlorothiazide	100mg; 25mg	Viên	Viên	2	
159	Losartan potassium; Hydrochlorothiazide	50mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
160	Loxoprofen natri	60mg	Viên	Viên	2	
161	Magnesi lactate dihydrate; Vitamin B6	470mg; 5mg	Viên	Viên	2	x

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
162	Mebendazole	500mg	Viên	Viên	2	
163	Meloxicam	15mg	Viên	Viên	2	
164	Meloxicam	7,5mg	Viên	Viên	2	x
165	Metformin hydrochloride	1000mg	Viên	Viên	2	x
166	Metformin hydrochloride	500mg	Viên	Viên	2	
167	Metformin hydrochloride	750mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	2	
168	Metformin hydrochloride	850mg	Viên	Viên	2	
169	Metformin hydrochloride; Sitagliptin	850mg; 50mg	Viên	Viên	2	
170	Methocarbamol	500mg	Viên	Viên	2	
171	Methocarbamol	750mg	Viên	Viên	2	
172	Mirtazapine	30mg	Viên	Viên	2	x
173	Molnupiravir	200mg	Viên nang	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
174	Montelukast	4mg	Viên	Viên	2	
175	Montelukast	5mg	Viên	Viên	2	x
176	Mosapride citrate	5mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
177	Moxifloxacin	400mg	Viên	Viên	2	
178	Nabumeton	500mg	Viên	Viên	2	x
179	N-Acetyl-DL-Leucin	500mg	Viên	Viên	2	
180	Naproxen	500mg	Viên	Viên	2	
181	Nebivolol	5mg	Viên	Viên	2	x
182	Ofloxacin	200mg	Viên	Viên	2	
183	Olanzapin	10mg	Viên	Viên	2	x
184	Olanzapin	5mg	Viên	Viên	2	x
185	Olmesartan medoxomil	20mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu</i>
186	Olmesartan medoxomil	40mg	Viên	Viên	2	<i>Đang xin ý kiến về giá thuốc</i>

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x) trúng thầu
187	Orlistat	120mg	Viên nang	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
188	Oxcarbazepine	300mg	Viên	Viên	2	
189	Pantoprazol	40mg	Viên	Viên	2	
190	Paracetamol	150mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2	
191	Paracetamol	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2	
192	Paracetamol	325mg	Viên	Viên	2	
193	Paracetamol	500mg	Viên	Viên	2	x
194	Paracetamol	650mg	Viên	Viên	2	
195	Paracetamol; Cafein	500mg; 65mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
196	Paracetamol; Caffeine; Phenylephrine HCl	500mg; 25mg; 5mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
197	Paracetamol; Codein phosphat	500mg; 30mg	Viên	Viên	2	
198	Paracetamol; Phenylephrin HCl; Dextromethorphan HBr	500mg; 5mg; 15mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
199	Paracetamol; Tramadol hydrochloride	325mg; 37,5mg	Viên	Viên	2	x
200	Paroxetin	20mg	Viên	Viên	2	
201	Paroxetin	30mg	Viên	Viên	2	
202	Perindopril arginin	5mg	Viên	Viên	2	
203	Perindopril tert butylamine; Indapamide	4mg; 1,25mg	Viên	Viên	2	
204	Perindopril tert-butylamine	8mg	Viên	Viên	2	
205	Piracetam	1200mg	Viên	Viên	2	
206	Piracetam	400mg	Viên	Viên	2	
207	Piracetam	800mg	Viên	Viên	2	x
208	Pravastatin natri	10mg	Viên	Viên	2	
209	Pravastatin natri	20mg	Viên	Viên	2	

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
210	Pregabalin	150mg	Viên nang	Viên	2	
211	Pregabalin	75mg	Viên nang	Viên	2	
212	Quetiapine	100mg	Viên	Viên	2	x
213	Quetiapine	200mg	Viên	Viên	2	x
214	Quetiapine	25mg	Viên	Viên	2	
215	Rabeprazole natri	10mg	Viên bao tan ở ruột	Viên	2	
216	Rabeprazole natri	20mg	Viên bao tan ở ruột	Viên	2	x
217	Ramipril	5mg	Viên	Viên	2	
218	Rebamipid	100mg	Viên	Viên	2	
219	Repaglinide	1mg	Viên	Viên	2	
220	Risedronate natri	35mg	Viên	Viên	2	
221	Risperidone	2mg	Viên	Viên	2	
222	Rivaroxaban	15mg	Viên	Viên	2	x
223	Rosuvastatin	10mg	Viên	Viên	2	x
224	Rosuvastatin	20mg	Viên	Viên	2	x
225	Rosuvastatin	5mg	Viên	Viên	2	x
226	Sertraline	50mg	Viên	Viên	2	
227	Sildenafil	50mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
228	Simvastatin	10mg	Viên	Viên	2	
229	Simvastatin	20mg	Viên	Viên	2	
230	Sitagliptin	100mg	Viên	Viên	2	
231	Sitagliptin	25mg	Viên	Viên	2	
232	Sitagliptin	50mg	Viên	Viên	2	
233	Sorbitol	5g	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2	
234	Spiramycin	1.500.000 IU	Viên	Viên	2	
235	Spiramycin	3.000.000 IU	Viên	Viên	2	x
236	Spiramycin; Metronidazole	750000 IU; 125mg	Viên	Viên	2	
237	Sulpiride	50mg	Viên	Viên	2	x
238	Sumatriptan	50mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
239	Tadalafil	20mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
240	Telmisartan	40mg	Viên	Viên	2	x
241	Telmisartan	80mg	Viên	Viên	2	x
242	Tenofovir alafenamide	25mg	Viên	Viên	2	Đang xin ý kiến về giá thuốc trúng thầu
243	Tenofovir disoproxil fumarate	300mg	Viên	Viên	2	x
244	Tizanidine	2mg	Viên	Viên	2	
245	Thiocolchicoside	4mg	Viên	Viên	2	
246	Trimebutine maleate	100mg	Viên	Viên	2	
247	Trimetazidine dihydrochloride	20mg	Viên	Viên	2	x
248	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	2	x
249	Ursodeoxycholic acid	150mg	Viên	Viên	2	
250	Valsartan	160mg	Viên	Viên	2	
251	Valsartan	80mg	Viên	Viên	2	x
252	Valsartan; Hydrochlorothiazid	160mg; 25mg	Viên	Viên	2	
253	Valsartan; Hydrochlorothiazid	80mg; 12,5mg	Viên	Viên	2	
254	Venlafaxin	75mg	Viên	Viên	2	x
255	Vitamin B1; Vitamin B6; Vitamin B12	100mg; 200mg; 200mcg	Viên	Viên	2	x
256	Bisoprolol fumarate	10mg	Viên	Viên	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)
257	Cefoperazone; Sulbactam	1g; 500mg	Thuốc tiêm	Lọ	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)
258	Ezetimibe	10mg	Viên	Viên	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)
259	Ibuprofen	400mg	Viên	Viên	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)

STT (1)	Tên hoạt chất (2)	Nồng độ - Hàm lượng (3)	Dạng bào chế (4)	Đơn vị tính (5)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (6)	Ghi chú (Thuộc Thông tư 03/2024/TT-BYT: x)
260	Irbesartan	300mg	Viên	Viên	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)
261	Levetiracetam	500mg	Viên	Viên	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)
262	Montelukast	10mg	Viên	Viên	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)
263	Perindopril tert-butylamine	4mg	Viên	Viên	2	x (Đáp ứng tiêu chí về số lượng số đăng ký)

Ghi chú:

1. Về cách ghi tên hoạt chất của thuốc:

- Thuốc có cách ghi danh pháp khác với cách ghi tên hoạt chất tại Cột (2) và cách ghi này được ghi tại các tài liệu chuyên ngành về dược (như Dược điển, Dược thư Quốc gia và các tài liệu khác) thì vẫn thuộc danh mục (Ví dụ: Paracetamol hay Acetaminophen; Acyclovir hay Aciclovir; Cefuroxime hoặc Cefuroxim; Sodium hay Natri; Hydrochloride hoặc Hydroclorid ...).

- Trường hợp hoạt chất tại Cột (2) không ghi gốc muối thì các thuốc có dạng muối khác nhau của hoạt chất này sau khi quy đổi về dạng base có cùng nồng độ - hàm lượng tại Cột (3) (nếu có cùng chỉ định, liều điều trị) thì vẫn thuộc danh mục.

2. Việc tham dự thầu của thuốc có dạng bào chế khác với dạng bào chế ghi tại Cột (4) thực hiện theo quy định về đấu thầu thuốc.

3. “ Đối với dạng bào chế của thuốc ghi tại Cột (4):

- Dạng bào chế “Viên”, “Thuốc tiêm” ghi tại Cột 4 là các dạng bào chế quy ước (Thuốc viên: Viên nén, Viên nang; Thuốc tiêm: Dung dịch tiêm, Hỗn dịch tiêm, Nhũ tương dùng đường tiêm).

- Các đơn vị, cơ sở y tế được xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được quy định nhà thầu được chào thầu thuốc nhập khẩu đối với các thuốc có dạng bào chế đặc biệt hoặc thuốc có sinh khả dụng khác với dạng bào chế quy ước (Ví dụ: Viên bao tan ở ruột, Viên giải phóng có kiểm soát, Viên hòa tan nhanh, Viên sủi, Viên đặt dưới lưỡi; Thuốc tiêm đông khô, Thuốc tiêm liposome/nano/phức hợp lipid, Thuốc tiêm nhãn cầu, Thuốc tiêm tác dụng kéo dài, Thuốc tiêm định liều đóng sẵn trong dụng cụ tiêm ...).”

4. Nhà thầu không được chào thầu thuốc nhập khẩu đối với thuốc có Nhóm tiêu chí kỹ thuật ghi tại Cột (6).